

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1235/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2018

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa anh H
và chị Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm
2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số
98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Sang H, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Bà Lê Phạm Mộng Đ, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Số 141/29/6 đường D, Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí
Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ,
nguyên đơn anh Huỳnh Sang H trình bày:

Anh H và chị Lê Phạm Mộng Đ chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy
chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyền số 01/2003, đăng ký ngày 04/3/2003.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh H và chị Đ bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Mặc dù cả hai bên đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình nên cả hai đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Do đó, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị Đ. Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21/11/2006, anh H giao con chung Ngọc T cho chị Đ trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Về tài sản chung: Anh H tự xác định không có tài sản chung. Về nợ chung: Anh H tự khai không nợ gì của ai.

Bị đơn chị Lê Phạm Mộng Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Sang H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Phạm Mộng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Chị Đ đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Huỳnh Sang H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Sang H thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là chị Lê Phạm Mộng Đ có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Anh Huỳnh Sang H và chị Lê Phạm Mộng Đ chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyền số 01/2003, đăng ký ngày 04/3/2003, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H, anh H trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh H và chị Đ bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, cả hai đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh H yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh H là có căn cứ cần giải quyết. Xét thấy chị Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng chị Đ vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện chị Đ không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình; tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh H cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: anh H và chị Đ có một con chung tên Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21/11/2006, hiện chị Đ đang nuôi dưỡng. Anh H đồng ý giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi con, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngày 28/8/2018 cháu T đến Tòa thể hiện ý kiến muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Đ. Xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H tự khai giữa anh H và chị Đ không có tài sản chung và không nợ gì của ai. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của chị Đ về các

vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm số 52/2014/QH13;

- Điều 375 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Sang H

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Sang H được ly hôn với chị Lê Phạm Mộng Đ.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Huỳnh Sang H giao con chung tên Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21/11/2006 cho chị Lê Phạm Mộng Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung Ngọc T mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, lần lượt hàng tháng cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị Lê Phạm Mộng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Sang H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đúng theo thỏa thuận nêu trên, thì anh H còn phải trả thêm cho chị Đ khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Huỳnh Sang H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014921 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh H còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDQ8;
- Chi cục THADSQ8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.